

Số: /QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 364/QĐ-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính và thủ tục hành chính nội bộ trong lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 245/TTr-SNNMT ngày 27 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Bãi bỏ nội dung Thủ tục hành chính tại các số thứ tự 1A, 2A, 5A, 8A, 9A, 13A, 14A, 15A, 17A, 19A, 20A, 21A, 22A, 24A; toàn bộ mục B (Thủ tục hành chính cấp huyện) của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

2. Bãi bỏ nội dung Thủ tục hành chính tại các số thứ tự 1B và 3B của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

3. Bãi bỏ nội dung Thủ tục hành chính tại số thứ tự 1A phần II mục 1; số thứ tự 4A, 5A, 6A, 7A mục 2; số thứ tự 1A mục 3; số thứ tự 2B, 3B mục 2 của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan công khai thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này cung cấp, tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, nvthanh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Phong

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	5.003115	Điều chỉnh khu rừng đặc dụng	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ Bru chính.	Không	Điều 2 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP).
2	1.012687	Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý		18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ;	Không	Điều 2 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP).

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ Bru chính.		
3	1.000084	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ Bru chính.	Không	Điều 3 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 14 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)
4	5.003116	Điều chỉnh khu rừng phòng hộ	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ Bru chính.	Không	Điều 5 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	1.000081	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ Bru chính.	Không	Điều 6 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 23 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)
6	1.012921	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ Bru chính.	Không	Điều 10 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (bổ sung Điều 34b Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)
7	1.014839	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc		20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang;	Không	Điều 13 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 37

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ Bru chính.		Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)
8	5.000977	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ Bru chính.	Không	Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 39 và Điều 40 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)
9	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh		- 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ; - Nộp hồ sơ thông	Không	Điều 17 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<p><i>trường hợp không phải lấy ý kiến của các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng);</i></p> <p>- 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp phải lấy ý kiến của các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng).</p>	qua dịch vụ Bru chính.		
10	1.012692	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử	Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang	- 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang;	Không	Điều 19 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 41b

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		dụng rừng sang mục đích khác	mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp không phải lấy ý kiến của các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng); - 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp phải lấy ý kiến của các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ Bru chính.		Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<i>Quốc phòng).</i>			
11	1.012689	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức		08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ Bru chính.	Không	Điều 20 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)
12	1.012690	Phê duyệt phương án sử dụng rừng để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý		15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ Bru chính.	Không	Điều 20 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)
13	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Điều 43 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 15

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	hồ sơ hợp lệ.	tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ Bru chính.		Nghị định số 58/2024/NĐ-CP)
14	1.007918	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư		09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ Bru chính.	Không	Điều 50 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 31 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP)
15	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu		- Trường hợp không có thông tin vi phạm: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ;	Không	Điều 54 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				hợp lệ. - Trường hợp có thông tin vi phạm: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ Bru chính.		
16	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	- <i>Trường hợp không kiểm tra, xác minh:</i> 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - <i>Trường hợp phải kiểm tra, xác minh:</i> 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ Bru chính.	Không	Điều 55 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 13 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP)	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP XÃ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (tên mới)	Thời gian giải quyết (ngày)	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức có rừng trồng bị thiệt hại.	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ Bưu chính.	Không	Điều 10 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (bổ sung Điều 34b Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)
2	1.014832	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã		20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ Bưu chính.	Không	Điều 13 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 37 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (tên mới)	Thời gian giải quyết (ngày)	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	1.012694	Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân		08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ Bru chính. 	Không	Điều 20 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)
4	1.007919	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư		09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường, đặc khu; - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ Bru chính. 	Không	Điều 50 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 31 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP)